

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Viết dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TIỂU BỘ 1 & 3

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	4
1 Rakkhita – Tiểu III, 89	9
2 RamaniyaKutika – Tiểu III, 67.....	10
3 Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56	12
4 Ratthapàla – Tiểu III, 385.....	14
5 Revata – Tiểu III, 352.....	22
6 Rohinì – Tiểu III, 661	26
7 Ràdha - Em trai là Trưởng lão Suràdha - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135.....	32
8 Ràdha – Tiểu III, 134.....	33
9 Ràhula – Tiểu III, 221.....	35
10 Ràjadatta – Tiểu III, 230.....	37
11 Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60	40
12 Ràng buộc - Những ai không yêu ghét, Không thể có buộc ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73 41	

- 13 Rưới cam lồ giải thoát, Đánh tiếng trống bát tử
- Kinh Càpà – Tiểu III, 66644
- 14 Rượu - Mê đàn bà, mê rượu, cờ bạc, Cửa vào
của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493...53
- 15 Rải nước thánh - Tập tục này từ đạo Bàlamôn -
Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556.....60
- 16 Rắn - Chồng bị rắn cắn chết - Kinh Patàcàrā –
Tiểu III, 59870
- 17 Rắn - Hành hạ con rắn - Kinh Lời Cảm Hứng -
Tiểu I, 134.....77
- 18 Rắn - Kinh Rắn - Tiểu I, 45778
- 19 Rắn - Thần rắn Mucalinda - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 13184
- 20 Rắn đen cắn vợ chết - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38
.....86
- 21 Rống tiếng rống con sư tử - Kinh Melajina –
Tiểu III, 13488
- 22 Rống tiếng rống con sư tử - Kinh Sunìta – Tiểu
III, 34290

- 23 Rống tiếng rống con sư tử đệ nhất - Kinh Pindola
Bhàradvaja – Tiểu III, 129.....94
- 24 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Bhagu
– Tiểu III, 21296
- 25 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh
Candana – Tiểu III, 222.....98
- 26 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh
Nàgasamàla – Tiểu III, 211100
- 27 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh
Ràjadatta – Tiểu III, 230.....102
- 28 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh
Sundara Samudda – Tiểu III, 284.....105
- 29 Rồi ta tự tác ý, Như lý, khởi tư duy - Kinh
Sappadàsa – Tiểu III, 264.....108
- 30 Rừng - Hạnh ở rừng - Kinh VanaVaccha – Tiểu
III, 23.....110

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – Tiểu III, 89 (79)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhỏ lên,
Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

2 RamaniyaKutika – Tiểu III, 67

RamaniyaKutika – Tiểu III, 67 (58)

Câu chuyện của ngài giống như câu chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Ngài ở trong một chòi lá, gần một ngôi làng nhỏ, trong xứ Vajji. Thật sự là một am thất nhỏ, xinh đẹp với sàn nhà và vách tường khéo làm xung quanh có vườn, ao hồ và có rải cát đẹp, mịn. Với **giới hạnh** của vị trưởng lão làm tăng thêm sự hấp dẫn của ngôi nhà.

Ngài chứng quả A-la-hán và tiếp tục sống tại đây. Khi nào có người đến viếng tinh xá, họ có thấy ngôi chòi xinh xắn.

Một ngày kia, một vài người **đàn bà béo mập** đi ngang qua, thấy ngôi chòi xinh đẹp, liền nghĩ người ở chòi lá này có thể là một thanh niên mà họ có thể cám dỗ. Họ đến gần ngài và nói: "*Cái chòi của ngài thật là xinh đẹp, chúng tôi cũng thật xinh đẹp trong tuổi trẻ của chúng tôi*". Và họ bắt đầu khoe khoang áo xiêm đẹp của mình. Nhưng vị Trưởng lão nói lên bài kệ, diễn tả tâm trạng thoát tục của ngài:

58. Ngôi chòi ta xinh đẹp,

*Do đàn tín cúng dường,
Với tâm ý hoan hỷ,
Với lòng tin dưng cúng.
Ta **không cần** thiếu nữ,
Này các nữ nhân kia,
Hãy đi đến những ai,
Có cần đến các cô.*

Với chữ: "Không cần", ngài tuyên bố chánh trí của ngài, khi chứng quả A-la-hán.

3 Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài **suy nghĩ: "Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh**

nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

*45. Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

4 Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.** Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cám dỗ của họ:

769. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.**

770. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.**

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
**Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.***

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
**Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.***

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
**Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.***

774. **Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,**

*Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sâu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: *"Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?"*

Vị trưởng lão trả lời: *"Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái".*

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,*

*Được tiền, si không cho,
Vì tham, cát chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

*777. Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

*778. Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

*779. Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vải, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

*780. **Bị cây đâm, cây thọc,**
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,*

**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.*

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp dễ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,

Trong các **đục công đức**,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,

*Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

5 Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.*

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá** không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. *Vì đích gì xuất gia,*

*Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.*

*658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

6 Rohinì – Tiểu III, 661

Rohinì – Tiểu III, 661 (67)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu).**

Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả **Dự lưu**. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng **khai triển thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phu thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

*271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.*

272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?

273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?

274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ,
Tuệ giới hạnh tinh cần.

275. **Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.**

276. **Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.**

277. **Thân nghiệp họ trong sạch,
Khẩu nghiệp họ cũng vậy,**

Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cầu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. *Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tìm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.*

284. *Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.*

285. *Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.*

286. *Hồi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.*

287. *Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,
Tế đàn thiết lập đây,*

Đối với tôi rất lớn.

*288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.*

*289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.*

*290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt **Ba minh**,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.*

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin
xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng
quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng
để tỏ lộ sung sướng của mình.

7 Ràdha - Em trai là Trưởng lão Suràdha - Kinh Suràdha – Tiểu III, 135

Suràdha – Tiểu III, 135 (128)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

*135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên.*

*136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi **kiết sử**, diệt xong.*

8 Ràdha – Tiểu III, 134

Ràdha – Tiểu III, 134 (127)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Trong khi ngài lớn tuổi, ngài không làm được bốn phận của ngài.

Không được chấp nhận, ngài đi đến Thế Tôn, nói lên những ước muốn của ngài. Bậc Đạo Sư thấy được những điều kiện căn bản được đầy đủ, nên bảo Sàriputta chấp nhận ngài xuất gia. **Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán.** Sau đó, ngài sống gần bên bậc Đạo Sư, trở thành một vị *thuyết giảng đột xuất* nhờ những lời thuyết giảng của bậc Đạo Sư.

Một hôm, thấy rõ vì sao **không khéo tự huấn luyện chế ngự** khiến các **đục vọng** có thể sanh khởi, ngài nói lên bài kệ để khích lệ giáo giới:

133. *Như mái nhà vụng lợp,
Mưa dễ thấm ướt vào,
Cũng vậy, tâm vụng tu,
Tham ái được xâm nhập.*

134. *Như mái nhà khéo lợp,
Mưa không thể thấm vào,
Cũng vậy, tâm khéo tu,*

Tham ái không xâm nhập.

9 Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.
Ba mình ta đạt được,*

Thấy được giới bất tử.

296. Bị **đục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua đục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

10 Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – Tiểu III, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là **Ràjadatta** (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp. Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh

sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khốn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

*316. Mau hơn cơm sôi trào,
Chỗ ấy, ta đi thoát,*

Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.

317. **Rồi ta** tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.

318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

11 Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60

Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60 (49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia.

Sống trong rừng, ngài **thiền quán về giới hạnh**, vì quả chứng và **hạnh dễ thương** của ngài, ngài được gọi là Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, **Ác-ma** muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

*49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

12 Ràng buộc - Những ai không yêu ghét, Không thể có buộc ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.

Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyện** sinh sầu ưu,
Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả

Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.

13 Rươi cam lồ giải thoát, Đánh tiếng trống bắt tử - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,*

*Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nai,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ

săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng

chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn Càpà, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đùa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,*

Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tư,*
Điều nàng đã nói lên,
Đối kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,

Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của thiếp,
Đưa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,

*Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

*306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.*

*307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.*

*308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

*309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,*

Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**

Vượt qua sự đau khổ,

Thuyết **đường Thánh tám ngàn,**

Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,

Hữu nhiều quanh Ngài xong,

Trình lên lời ước nguyện,

Của Càpà vợ chàng!

Rồi chàng xin xuất gia,

Sống đời không gia đình,

Chứng đạt được **Ba minh,**

Làm xong lời Phật dạy.

14 Rượu - Mê đàn bà, mê rượu, cờ bạc, Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,*

Ưu mến pháp, thành công,
Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,**

Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ ba về bại vong.
Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. **Ai với mẹ hay cha,**
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ tư về bại vong.
Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh**,
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân**,
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
*Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
*Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. *Tài sản ít, ái lớn,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. *Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

15 Rải nước thánh - Tập tục này từ đạo Bàlamôn - Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556

Kinh Pháp Bàlamôn – Tiểu I, 556 (Sn 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- *Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?*

- Nay các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa.

- Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói cho pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức.

- Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

284. *Các ần sĩ thời xưa,
Chế ngự, sống khắc khổ,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Hành lý tưởng tự ngã.*

285. *Phạm chí, không gia súc,
Không vàng bạc lúa gạo,
Học hỏi là tài sản,
Hộ che chở hộ trì,
Kho tàng tối thượng ấy.*

286. *Đồ ăn được sửa soạn,
Được đặt tại ngưỡng cửa,
Với lòng tin, họ soạn,
Để cúng bậc Thánh cầu.*

287. *Với vải mặc nhiều màu,
Với giường nằm trú xứ,
Từ quốc độ giàu có,
Họ đánh lễ Phạm chí.*

288. Không bị ai xâm phạm,
Là Phạm chí thời ấy,
Không bị ai chiến hại,
Họ được pháp che chở,
Không ai ngăn chặn họ,
Tại ngưỡng cửa gia đình.

289. Từ trẻ đến bốn tám,
Các Phạm chí thời xưa,
Họ sống hành Phạm hạnh,
Tâm cầu minh và hạnh.

290. Các vị Bà-la-môn,
Không đến giai cấp khác,
Không mua người làm vợ,
Chung sống trong tình thương,
Họ đi đến với nhau,
Trong niềm hoan hỷ chung.

291. Ngoài trừ thời gian ấy,
Thời có thể thu thai,
Là người Bà-la-môn,
Không đi đến giao cấu.

292. Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới, học thức, nhu hòa,
Khắc khổ và hòa nhã,

Bất hại và nhẫn nhục.

293. Vị tối thắng trong họ,
Là Phạm thiên, nỗ lực,
Vị ấy không giao hợp,
Cho đến trong cơn mộng.

294. Ở đời, bậc có trí,
Học theo hạnh vị ấy,
Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới đức và nhẫn nhục.

295. Họ xin cơm, sàng tọa,
Vải mặc, bơ và dầu,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Họ tổ chức tế tự,
Trong lễ tế tự ấy,
Họ không giết bò cái.

296. Như mẹ và như cha,
Như anh, như bà con,
Bò là bạn tối thượng,
Từ chúng, sanh được vị.

297. Bò cho ăn, cho sức,
Cho dung sắc, cho lạc
Biết được lợi ích này,

Họ không giết hại bò.

298. *Họ đoan trang thân lớn,
Có dung sắc, danh xưng,
Bản tánh là nhiệt tình,
Trong hành thiện dứt ác,
Họ còn sống ở đời,
Dân chúng hưởng an lạc.*

299. *Giữa họ có đảo lớn,
Họ thấy vật nhỏ nhen.
Thấy huy hoàng nhà vua,
Thấy trang sức phụ nữ.*

300. *Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Các trú xứ phòng ốc,
Khéo chia, khéo ngăn cách.*

301. *Đàn bà mập vầy quanh,
Chúng người đẹp hầu hạ,
Bà-la-môn tham đắm,
Tài sản lớn của người.*

302. *Đọc các bài kệ tụng,*

*Họ đến Okkàla,
Ngài được tài sản lớn,
Ngài được lúa gạo nhiều.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn.*

*303. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Về ngựa và về người,
Quăng con ném, **nước thánh**,
Vội các cửa then cài.
Lễ tế đàn này xong,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều loại tài sản.*

*304. Bò, giường nằm, áo mặc,
Nữ nhân, trang sức đẹp,
Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.*

305. Các trù xứ đẹp đẽ,
Khéo chia, khéo ngăn cách,
Đầy các loại lúa gạo,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều là tài sản.

306. Ở đây, được tài sản,
Phạm chí thích cất chứa,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Khát ái càng tăng trưởng,
Họ lại đọc kệ tụng,
Họ đến Okkàka.

307. Như nước, đất và vàng,
Tài sản và lúa gạo,
Cũng vậy là các bò,
Đối với các loài, người.
Chúng là những vật dụng,
Cần thiết cho hữu tình.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn?

308. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn,

Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Trăm ngàn bò bị giết.

309. Không phải với bàn chân,
Cũng không phải với sừng,
Con bò hại một ai,
Chúng được khéo nhiếp phục.
Như con dê, con cừu,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Nắm sừng bắt lấy chúng,
Giết chúng bằng dao gươm.

310. Rồi chư Thiên, Tổ tiên,
Đế Thích, A-tu-la,
Với các hàng Da-xoa,
Đồng thanh cùng la lớn,
"Như vậy là phi pháp",
Khi gươm giết hại bò.

311. Trước đã có ba bệnh,
Dục, ăn không đủ, già,
Do giết hại muôn thú,
Chúng lên đến chín tám.

312. Trượng phạt phi pháp này,

*Từ xưa truyền đến nay,
Vật vô tội bị giết,
Còn người lễ tế đàn,
Thối thất khỏi Chánh pháp.*

313. Vậy tùy **pháp cổ** này,
Bị bậc trí khiến trách,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Như vậy, được xem thấy,
Quần chúng liền chỉ trích,
Các vị lễ tế đàn.

314. Như vậy, **pháp bị hoại**,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Bị phân ly chia rẽ,
Các hạng Sát-đế-lị,
Bị chia năm, chẻ bảy,
Còn vợ khinh rẽ chồng.

315. Các Sát-lý hoàng tộc,
Các bà con Phạm thiên,
Cùng với hạng người khác,
Được gia tộc che chở,
Họ bỏ quên sanh chủng,
Họ rơi vào các đục.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dung đúng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **trình bày rõ** những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama với nhiều pháp môn trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

16 Rắn - Chồng bị rắn cắn chết - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mồi

bờ ra cản chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bỗng đưa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rấn cản chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"**Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng**".*

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy":

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

17 Rắn - Hành hạ con rắn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 134

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 134 (Ud 11)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông đứa trẻ đang **hành hạ con rắn** với cây gậy, giữa Sàvatthi và Jetavana. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Thế Tôn thấy giữa Sàvatthi và Jetavana nhiều đứa trẻ đang hành hạ con rắn với cây gậy.

Thế Tôn sau khi hiểu hết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. *Ai làm hại với trượng,*

Kẻ tìm lạc cho mình,

Người ấy sau khi chết,

Không tìm được an lạc.

Ai không hại với trượng,

Kẻ tìm lạc cho mình,

Đời sau tìm được lạc.

18 Rắn - Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – Tiểu I, 457

1. Ai nhiếp phục **phần nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,
Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

5. Ai trong các **sanh hữu**,
Không tìm thấy lỗi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,
Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

7. Với ai những **tâm tư,**
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

8. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

9. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,
Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sáu khổ bực phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

19 Rắn - Thần rắn Mucalinda - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 131

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 131* (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvela, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn, trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, một cơn giông tố lớn trái mùa khởi lên và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bầu trời u ám. Rồi **thần rắn Mucalinda** ra khỏi chỗ ở của mình, với thân cuốn vòng quanh bảy vòng thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu (Thế Tôn) với ý nghĩ: "Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát".

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy. Rồi Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã được thoát đi, cởi mở thân mình khỏi thân Thế Tôn, biến dạng thân sắc của mình, hóa hiện thân sắc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chấp tay đánh lễ Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. ***Viễn ly*** là an lạc,
Với người biết tri túc,
Với người có nghe pháp,
Với người có chánh kiến.

Không sân là an lạc,
Những ai ở trên đời,
Đối hữu tình chúng sanh
Biết tự chế, ngăn ngừa.

Ly tham là an lạc,
Vượt các dục ở đời,
Ai nhiếp phục ngã mạn,
Đây an lạc tối thượng.

20 Rắn đen cắn vợ chết - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

Hārīta – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sāvattthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài,** ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

21 Rõng tiếng rõng con sư tử - Kinh Melajina – Tiểu III, 134

Melajina – Tiểu III, 134 (126)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares (Ba-la-nại), trong gia đình một hoàng tộc, tên là Melajina, **học giỏi và hạnh đức có tiếng** khắp trong nước.

Khi Thế Tôn ở Ba-la-nại, tại Isipatana (chư Tiên đạo xứ), Melajina đến nghe Ngài thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi các Tỷ-kheo hỏi làm sao ngài chứng được pháp Thượng nhân, ngài **rõng lên tiếng rõng con sư tử**:

*131. Khi ta nghe Chánh pháp,
Bậc Đạo Sư thuyết giảng,
Ta thắng tri nghi hoặc,
Bậc toàn trí, toàn thắng.*

*132. Đối vị trưởng lão đoàn,
Với vị đại anh hùng,
Trong các bậc đánh xe,
Bậc tối thắng vô thượng,
Đối con đường, lộ trình,
Ta không có nghi hoặc.*

22 Rỗng tiếng rỗng con sư tử - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – Tiểu III, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường Sunìta đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bổn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được thắng trí thứ sáu.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài **rống tiếng con sư tử** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghê ta rất hèn hạ,

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

23 Rõng tiếng rõng con sư tử đệ nhất - Kinh Pindola Bhàradvāja – Tiểu III, 129

Pindola Bhàradvāja – *Tiểu III*, 129 (122)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua Udena xứ Kosambi, được đặt tên là Bhàradvāja. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các **bài chú**, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm.

Từ giã họ, ngài đi đến Rājagaha (Vương Xá), thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bổn Sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào nghi ngờ đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rõng tiếng rõng con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: "***Trong các đệ tử của Ta rõng tiếng rõng con sư tử, Pindola Bhàradvāja là đệ nhất***".

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiệt. Vị Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng

ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm,
Do có các món ăn,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bỏ hành,
Tìm kiếm các món ăn.

124. *Bậc trí kinh nghiệm rằng:*
Thật sự là đám bùn,
Đánh lễ và cúng dường,
Xuất phát từ gia đình,
Như mũi tên tể nhị,
Rất khó nhỏ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.

24 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – Tiểu III, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tinh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tinh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tinh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

*Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.*

***Rồi ta** tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.*

*273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

25 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – Tiểu III, 222 (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.

300. **Rồi ta tự tác ý,**
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

26 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta tự tác ý,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

27 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – Tiểu III, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp.

Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khổn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

316. Mau hơn cơm sôi trào,

*Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giấc,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

28 Rồi ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định,
thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba mình chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

29 Rời ta tự tác ý, Như lý, khởi tư duy - Kinh Sappadàsa – Tiểu III, 264

Sappadàsa – Tiểu III, 264 (215)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn tể lễ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm.

Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thành lành, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được **hăm lẫn năm**,
Từ khi ta xuất gia,
Nhưng đến một búng tay,
Ta không đạt tâm tịnh.

406. **Nhứt tâm** không đạt được,
Bị dục tham chi phối,

*Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tịnh xá, ta đi.*

407. Ta sẽ đem **dao** lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.

408. Rồi ta cầm con dao,
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.

409. *Rồi ta tự tác ý,
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

410. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

30 Rừng - Hạnh ở rừng - Kinh VanaVaccha – Tiểu III, 23

VanaVaccha – Tiểu III, 23 (13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh, và sanh tại đây.

Ngài trở thành **một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật** trong tương lai. Vì ngài **thích rừng núi, ngài được biết với tên là Vanavaccha**. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng **tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán.**

Để tán thán **hạnh ở rừng**, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: "Ngài thích thú gì ở rừng núi?" Ngài đáp: "Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!"

*3. Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong,
Kẻ chăn bò Inda,
Che kín cả ngôi rừng,
Những ngôi núi đá ấy,
Làm hân hoan tâm ta.*

